



**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ
CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ GIÁO DỤC**

MÃ SỐ: 9140114

*(Kèm theo Quyết định số 1084/QĐ-ĐHĐT ngày 22 tháng 3 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)*

- 1. Tên chương trình:** Quản lý giáo dục
- 2. Chuyên ngành:** Quản lý giáo dục
- 3. Mã số:** 9140114
- 4. Thời gian đào tạo:** 03 năm hoặc 04 năm, tập trung
- 5. Hình thức đào tạo:** Chính quy
- 6. Nội dung chương trình đào tạo**
 - 6.1. Tổng số tín chỉ phải tích lũy**

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Đồng Tháp ban hành kèm theo Quyết định 1526/QĐ-ĐHĐT ngày 08/7/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp. Số tín chỉ nghiên cứu sinh cần phải tích lũy trong chương trình đào tạo, cụ thể sau:

Khối lượng kiến thức trong chương trình đào tạo	Nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ			Nghiên cứu sinh có bằng đại học đúng ngành
	Ngành phù hợp	Ngành gần	Ngành khác	
(1). Học phần bổ sung, chuyển đổi kiến thức	0 tín chỉ	12 tín chỉ*	41 tín chỉ*	30 tín chỉ*
(2). Học phần tiến sĩ	8 tín chỉ	8 tín chỉ	8 tín chỉ	8 tín chỉ
(3). Tiểu luận tổng quan và chuyên đề tiến sĩ	9 tín chỉ	9 tín chỉ	9 tín chỉ	9 tín chỉ
(4) Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ	80 tín chỉ	80 tín chỉ	80 tín chỉ	80 tín chỉ
Tổng số	97 tín chỉ	97 tín chỉ <i>(không tính phần (1), 12 tín chỉ)</i>	97 tín chỉ <i>(không tính phần (1), 41 tín chỉ)</i>	97 tín chỉ <i>(không tính phần (1), 30 tín chỉ)</i>

Ghi chú: (*)

- Đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ ngành gần phải học bổ sung kiến thức 12 tín chỉ cho phù hợp với ngành đào tạo Quản lý giáo dục trong chương trình đào tạo thạc sĩ đang đào tạo tại Trường Đại học Đồng Tháp.



- Đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ ngành khác phải học bổ sung kiến thức 35 tín chỉ và chuyển đổi kiến thức 06 tín chỉ cho phù hợp với ngành đào tạo Quản lý giáo dục trong chương trình đào tạo thạc sĩ đang đào tạo tại Trường Đại học Đồng Tháp.

- Đối với nghiên cứu sinh có bằng đại học đúng ngành phải học bổ sung kiến thức 30 tín chỉ cho phù hợp với ngành đào tạo Quản lý giáo dục trong chương trình đào tạo thạc sĩ đang đào tạo tại Trường Đại học Đồng Tháp.

6.2. Khung chương trình đào tạo chi tiết

a) Khung chương trình

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ tín chỉ			Tiến độ
				LT	ThH	TH	
I. Học phần tiến sĩ			8				
I.1. Các học phần bắt buộc			6				
1	EDM.901	Quản trị nhà trường	2	15	15	70	1
2	EDM.902	Triết lý giáo dục	2	15	15	70	1
3	EDM.903	Chính sách trong quản lý giáo dục	2	15	15	70	1
I.2. Các học phần tự chọn (chọn 02 tín chỉ)			2				
4	EDM.904	Tiếp cận nghiên cứu ứng dụng trong quản lý giáo dục	2	15	15	70	1
5	EDM.905	Triết học giáo dục Việt Nam	2	15	15	70	1
6	EDM.906	Phát triển, quản lý chương trình giáo dục hiện đại	2	15	15	70	1
7	EDM.907	Tạo động lực làm việc trong cơ sở giáo dục, đào tạo	2	15	15	70	1
8	EDM.908	Lý luận quản lý, quản lý giáo dục	2	15	15	70	1
9	EDM.909	Tầm nhìn và năng lực của nhà quản lý giáo dục	2	15	15	70	1
10	EDM.910	Vận dụng các tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục	2	15	15	70	1
II. Tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ			9				
11	EDM.911	Tiểu luận tổng quan	3		45	105	1
12	EDM.912	Chuyên đề 1	2		30	70	2
13	EDM.913	Chuyên đề 2	2		30	70	3
14	EDM.914	Chuyên đề 3	2		30	70	3
III.	Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ		80				1, 2, 3, 4
Tổng số			97				

b) Các học phần bổ sung kiến thức

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ tín chỉ			Đối tượng áp dụng**
				LT	ThH	TH	
I. Các học phần bắt buộc							
1	EDM.801	Lý luận dạy học hiện đại	3	30	15	105	3, 4
2	EDM.802	Tâm lý học quản lý	3	30	15	105	4
2	EDM.809	Quản lý nguồn nhân lực trong giáo dục	3	30	15	105	2, 3, 4
3	EDM.810	Tổ chức quản lý giáo dục và trường học	3	30	15	105	4
4	EDM.811	Quản lý các hoạt động sư phạm	3	30	15	105	2, 3, 4
5	EDM.812	Quản lý Nhà nước về giáo dục trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế	3	30	15	105	3, 4
6	EDM.813	Thanh tra, kiểm tra và đánh giá trong quản lý giáo dục	3	30	15	105	3, 4
7	EDM.819	Thực tập chuyên môn 1	3	00	90	60	3, 4
8	EDM.820	Thực tập chuyên môn 2	3	00	90	60	3
II. Các học phần tự chọn							
9	EDM.804	Tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục	2	30	0	70	4
10	EDM.805	Xu thế phát triển giáo dục	3	30	15	105	2, 3, 4
11	EDM.806	Tâm lý học giao tiếp	3	30	15	105	3, 4
12	EDM.807	Tâm lý học người trưởng thành	3	30	15	105	3, 4
13	EDM.808	Tham vấn học đường	2	30	0	70	3, 4
14	EDM.814	Dự báo giáo dục	3	30	15	105	2, 3, 4
15	EDM.815	Kiểm định chất lượng giáo dục	3	30	15	105	3, 4
16	EDM.816	Giáo dục lại	3	30	15	105	3, 4
17	EDM.817	Môi trường giáo dục và phát triển môi trường giáo dục	3	30	15	105	3, 4
18	EDM.818	Chính sách và chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo	3	30	15	105	3, 4

c) Các học phần chuyển đổi kiến thức

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ tín chỉ			Đối tượng áp dụng**
				LT	ThH	TH	
1	CDQLGD.01	Đại cương Khoa học quản lý	2	30	0	70	4
2	CDQLGD.02	Xã hội học giáo dục	2	30	0	70	4
3	CDQLGD.03	Phát triển chương trình giáo dục	2	30	0	70	4

Ghi chú: ()**

- Đối tượng 2: nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ ngành gần, chọn 06 tín chỉ nhóm các học phần tự chọn.

- Đối tượng 3: nghiên cứu sinh có bằng đại học đúng ngành, chọn 09 tín chỉ nhóm các học phần tự chọn.

- Đối tượng 4: nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ ngành khác, chọn 11 tín chỉ nhóm các học phần tự chọn.

